

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 4 - 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đình Ba

2/ Ông Lê Hoàng Phúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 466/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1991. Nơi đăng ký thường trú: Thôn 1A, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Hiện cư trú tại số 65/3, ấp Phú Thạch, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Vũ Đại B, sinh năm 1988. Nơi cư trú: số 09 đường số 9, thôn 1A, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: Năm 2012 chị và anh Vũ Đại B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 05/11/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà đánh đập chị gây thương tích và đã nhiều lần được công an xã T can thiệp. Vì thương chồng con nên chị đã nhiều lần bỏ qua và khuyên nhủ nhưng anh B vẫn không thay đổi. Vì thế mà vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B; Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Vũ Duy L, sinh ngày 26/4/2013. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con L do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị D tự nguyện đồng ý giao con L cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được quyền thăm nom con; Về tài sản chung và nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2019 có trong hồ sơ vụ án, anh Vũ Đại B khai: Trong cuộc sống vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và cách sống. Vợ chồng thường xuyên va chạm cãi vã nhau; chị D đã nhiều lần bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã ly thân được hơn 01 năm. Trong thời gian ly thân, anh nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vợ chồng không thể trở về đoàn tụ với nhau. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị D nên anh đồng ý ly hôn; Về con chung: anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó việc xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định. Về nội

dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh B đã không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân thời gian dài không hàn gắn được tình cảm, từ đó thấy rằng mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ. Về con chung nên giao cháu L cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt anh B nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị Kim D và anh Vũ Đại B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị D, anh B và giấy khai sinh của Vũ Duy L thì có đủ cơ sở xác định, cháu L là con chung của chị D và anh B.

Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B đã thật sự rạn nứt, anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Quá trình tham gia tố tụng, chị D và anh B đều thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng và muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân. Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh B đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy từ khi ly thân đến nay anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh B có công việc, thu nhập ổn định và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L cho đến khi trưởng thành. Đồng thời, chị D đồng ý giao con cho anh B nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần giao cháu L cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và đúng pháp luật. Do anh B không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì chị D là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Nguyễn Thị Kim D ly hôn Vũ Đại B.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Duy L, sinh ngày 26/4/2013 cho anh Vũ Đại B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kim D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024973 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (04/4/2019); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu